Người ký: Nguyễn Văn Lộc
Email: locnv.vpub@gialai.gov.vn
Cơ quan: Thị xã Ayun Pa, Tỉnh Gia Lai
Thời gian ký: 25.12.2018 14:11:49 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **THỊ XÃ AYUN PA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 591 /BC-UBND	*Ayun Pa, ngày 25 tháng 12 năm 2018*

BÁO CÁO
Kết quả kê khai tài sản, thu nhập năm 2018

Căn cứ Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ; Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ. Ủy ban nhân dân thị xã Ayun Pa báo cáo kết quả kê khai tài sản thu nhập năm 2018 như sau:

1. Quá trình chỉ đạo, triển khai, tổ chức thực hiện quy định về minh bạch tài sản, thu nhập

Ủy ban nhân dân thị xã đã tổ chức phổ biến Nghị định 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ, Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ đến Trưởng các cơ quan đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, phường.

Ban hành Văn bản số 1896-UBND/NC ngày 19/11/2018 của UBND thị xã chỉ đạo các cơ quan đơn vị tổ chức quán triệt, triển khai cho cán bộ, CCVC theo danh mục những người có nghĩa vụ phải kê khai, chấp hành nghiêm túc việc kê khai tài sản thu nhập và công khai trong cơ quan, đơn vị.

Giao cho Phòng Nội vụ thị xã là đơn vị chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, phường triển khai thực hiện kê khai minh bạch tài sản, thu nhập năm 2018, tổng hợp báo cáo theo quy định.

2. Kết quả thực hiện minh bạch tài sản, thu nhập

2.1. Kết quả kê khai:

- Số cơ quan, đơn vị đã triển khai thực hiện kê khai tài sản, thu nhập 51/51 đơn vị; tỷ lệ đạt 100% (giảm 02 đơn vị so với năm 2017 do 01 đơn vị Nhà Khách Thủ trưởng là Phó Chánh Văn phòng HĐND – UBND thị xã kiêm nhiệm đã kê khai tại Văn phòng HĐND – UBND thị xã; 01 đơn vị Trường TH Lê Hồng Phong sáp nhập).

- Số người phải kê khai tài sản, thu nhập trong năm là 247 người (giảm 16 người so với năm 2017 do nghỉ hưu, không thực hiện chế độ hợp đồng). Trong năm 2018 có 247/247 kê khai tài sản, thu nhập .

- Số người kê khai lần đầu 09 người (một số công chức viên chức mới được bổ nhiệm chức vụ quản lý và tuyển dụng mới); số người kê khai bổ sung: 238/247 người.

- Số lượng và danh sách bản kê khai thuộc diện Ban thường vụ Thị ủy quản lý: 134 người;

- Số lượng và danh sách bản kê khai thuộc diện Ban thường vụ Tỉnh ủy quản lý: 07 người;

2.2 Kết quả công khai:

51/51 cơ quan, đơn vị đã thực hiện công khai bản kê khai tài sản, thu nhập trong cuộc họp và niêm yết tại đơn vị; đạt 100%.

Tình hình thông tin phản ánh sau khi công khai các bản kê khai tài sản, thu nhập trong năm: không có.

Số liệu về số bản kê khai được công khai:

- Số bản kê khai đã công khai 247; đạt 100%;

- Số bản kê khai đã công khai theo hình thức niêm yết 247; đạt 100%;

- Số bản kê khai đã công khai theo hình thức công bố tại cuộc họp 247; tỷ lệ đạt 100% .

3. Đánh giá chung

3.1. Thuận lợi: Việc kê khai tài sản theo Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ, Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ đã được tổ chức triển khai hướng dẫn kịp thời. Các cơ quan, đơn vị đã thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, trung thực và được công khai trong tập thể đơn vị.

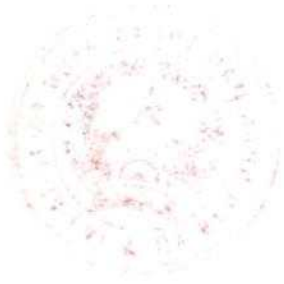
3.2. Tồn tại: Việc kê khai tài sản chủ yếu dựa trên tinh thần tự giác của CBCCVC; chưa thực hiện việc xác minh tài sản.

Trên đây là báo cáo kết quả minh bạch tài sản, thu nhập năm 2018, UBND thị xã báo cáo Thanh tra tỉnh biết và theo dõi./.

Nơi nhận:
- Thanh tra tỉnh;
- CT, các PCT UBND Thị xã;
- Thanh tra thị xã;
- Phòng Nội vụ thị xã;
- Lưu: VT.Lan-NV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Lộc



ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AYUN PA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KÊ KHAI TÀI SẢN NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số 591/BC-UBND, ngày 25/12/2018 của UBND thị xã)

STT		Họ và tên	Đơn vị công tác	Thuộc diện tỉnh quản lý		Thuộc diện thị xã quản lý		Thuộc diện cấp ủy quản lý	Lý do chưa kê khai
				KK lần đầu	KK bổ sung	KK lần đầu	KK bổ sung		
1		*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
II. Các cơ quan, đơn vị thị xã									
1. Văn phòng HĐND-UBND thị xã									
1	1	NGUYỄN VĂN LỘC	Chủ tịch UBND thị xã		x		x	x	
2	2	NAY NAM	Phó chủ tịch UBND thị xã		x		x	x	
3	3	HỒ VĂN DIỆN	Phó chủ tịch UBND thị xã		x		x	x	
4	4	TRẦN THỊ TỐ HẠNH	Phó chủ tịch HĐND thị xã		x		x	x	
5	5	KSOR H'KHUYÊN	Phó chủ tịch HĐND thị xã		x		x	x	
6	6	LÊ XUÂN LONG	Phó Trưởng ban Pháp chế		x		x	x	
7	7	TĂNG KHẮC TRUNG	Trưởng ban Kinh tế - Xã hội		x		x	x	
8	8	ĐOÀN THANH PHONG	Chánh Văn Phòng HĐND&UBND				x	x	
9	9	TRẦN THỊ LIÊN	Phó Chánh Văn Phòng HĐND&UBND				x	x	
10	10	NGUYỄN THANH TÂM	Phó Chánh Văn Phòng HĐND&UBND				x	x	
11	11	NGUYỄN TRẦN KIM CƯƠNG	Chuyên viên, Kế toán				x		
12	12	NGUYỄN MẠNH TUẤN	Chuyên viên				x		
13	13	NGÔ THANH DUY	Chuyên viên				x		
14	14	PHẠM THỊ KIM CÚC	Thủ quỹ			x			
2. Phòng Nội vụ									
15	1	VÕ ĐỨC HẠNH	Trưởng phòng				x	x	
16	2	NAY WEH	Phó Trưởng phòng				x	x	
17	3	TRẦN TRỌNG KIM	Phó Trưởng phòng				x	x	
18	4	NGUYỄN THỊ LAN	Chuyên viên				x		
19	5	ĐINH TRUNG KIÊN	Chuyên viên				x		
20	6	NGUYỄN VĂN THỌ	Chuyên viên				x		
21	7	NGUYỄN THỊ HÀ	Chuyên viên				x		
3. Phòng Lao động - TBXH									
22	1	VÕ VĂN TÙNG	Trưởng phòng				x	x	
23	2	HOÀNG THÚY HOA	Phó Trưởng phòng				x	x	
24	3	TRẦN THỊ VINH	Chuyên viên				x		
25	4	KSOR DJIU	Chuyên viên				x		
26	5	NGUYỄN PHƯỚC THỊNH	Chuyên viên				x		
4. Phòng Tài nguyên - MT			Chuyên viên						
27	1	LÊ HỮU THÙY	Trưởng phòng				x	x	
28	2	CHÂU VĂN TUẤN	Phó Trưởng phòng				x	x	
29	3	TRÀ THỊ BẢO THU	Chuyên viên				x		
30	4	NAY SAN	Chuyên viên				x		

STT		Họ và tên	Đơn vị công tác	Thuộc diện tỉnh quản lý		Thuộc diện thị xã quản lý		Thuộc diện cấp ủy quản lý	Lý do chưa kê khai
				KK lần đầu	KK bổ sung	KK lần đầu	KK bổ sung		
1		*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
31	5	HOÀNG THÁI NHUẬN	Chuyên viên				x		
5. Thanh tra									
32	1	NGUYỄN THỊ HẢI	Thanh tra viên				x	x	
33	2	HOÀNG ANH TUẤN	Phó Chánh Thanh tra				x	x	
34	3	HỒ TRẦN QUỲNH NHƯ	Thanh tra viên				x		
35	4	LÊ THỊ HƯỜNG	Thanh tra viên				x		
36	5	LÊ THANH HIỆP	Thanh tra viên				x		
6. Phòng Tư pháp									
37	1	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	Phó Trưởng phòng				x	x	
38	2	NGUYỄN AN HIỀN	Phó Trưởng phòng				x	x	
39	3	TÔ THỊ HẰNG	Chuyên viên, Kế toán				x		
7. Phòng Tài chính - KH									
40	1	ĐẶNG XUÂN TOÀN	Trưởng phòng				x	x	
41	2	BÙI HỮU TUẤN	Phó Trưởng phòng				x	x	
42	3	TRẦN NHƯ HOÀI BẢO	Chuyên viên				x		
43	4	TÔ THỊ PHƯƠNG KIỀU	Chuyên viên				x		
44	5	TRẦN THỊ TÚ TRINH	Chuyên viên				x		
45	6	KSOR XUYÊN	Chuyên viên			x			
8. Phòng Kinh tế									
46	1	LÊ MINH TRÍ	Trưởng phòng				x	x	
47	2	NGUYỄN HỒNG SƠN	Phó Trưởng phòng				x	x	
48	3	TRẦN CÔNG HÙNG	Phó Trưởng phòng				x	x	
49	4	KSOR GIÁO	Chuyên viên				x		
50	5	SIU THỊ NGỌC THẢO	Chuyên viên				x		
51	6	TRẦN THỊ THU LỆ	Chuyên viên, Kế toán				x		
52	7	NGUYỄN TRỌNG NAM	Chuyên viên				x		
9. Phòng Quản lý đô thị									
53	1	LÊ ĐÌNH TIẾN	Trưởng phòng				x	x	
54	2	ĐỖ XUÂN DŨNG	Phó Trưởng phòng				x	x	
55	3	NGÔ HOÀNG DIỆU THÚY	Chuyên viên				x		
56	4	TRẦN ĐÌNH PHONG	Chuyên viên				x		
57	5	NGUYỄN THỊ HẠ CHI	Chuyên viên				x		
10. Phòng Y tế									
58	1	HỒ HUỲNH THIỆN TRUNG	PTP				x	X	
59	2	HOÀNG THÚY VÂN	Cán sự				x		
11. Phòng Giáo dục - ĐT									
60	1	LÊ VĂN NHÂN	Trưởng phòng				x	x	
61	2	KSOR CHOAN	Phó Trưởng phòng				x	x	
62	3	TRƯƠNG THỊ THẾ ĐỨC	CV			x			
63	4	CAO THỊ THUYÊN	CV			x			

STT		Họ và tên	Đơn vị công tác	Thuộc diện tỉnh quản lý		Thuộc diện thị xã quản lý		Thuộc diện cấp ủy quản lý	Lý do chưa kê khai
				KK lần đầu	KK bổ sung	KK lần đầu	KK bổ sung		
1		*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
64	5	TRẦN THỊ ÚT	Kế toán				x		
12. Phòng Văn hóa - TT									
65	1	ĐẶNG THỊ THANH VÂN	Trưởng phòng				x	x	
66	2	HUỲNH ĐÌNH HƯNG	Phó trưởng phòng				x	x	
67	3	PHẠM THỊ THÚY HÀ	Chuyên viên				x		
13. Phòng Dân tộc									
68	1	PHAN VĂN MINH	Trưởng phòng				x	x	
69	2	VŨ HOÀNG LOAN	Phó trưởng phòng				x	x	
70	3	TRƯƠNG THỊ LỆ THỦY	Kế toán				x		
71	4	KSOR HIẾU	Chuyên viên, Thủ quỹ				x		
14. Hội chữ thập đỏ									
72	1	KSOR THIÊN	Chủ tịch Hội				x	x	
73	2	TRẦN THỊ KIM LIÊN	Kế toán				x		
15. Trung tâm Giáo dục - TX									
74	1	NGUYỄN VĂN HIỆP	Phó Giám đốc TT				x		
75	2	THÁI THỊ MINH HẠNH	Kế toán				x		
16. Đài Truyền thanh - TH									
76	1	LẠI QUANG MINH	Trưởng đài				x	x	
77	2	LÊ THÁI LÊ	Kế toán				x		
17. Ban QL Chợ									
78	1	PHẠM TÀI LONG	Trưởng ban				x	x	
79	2	TRẦN THỊ MAI	Kế toán HĐ				x		
18. Đội Công trình đô thị									
80	1	TRẦN NGỌC BINH	Đội trưởng				x	x	
81	2	LÊ KHẮC TỪ	Phó đội trưởng				x	x	
82	3	ĐẶNG PHAN HỒNG TRÂM	Kế toán HĐ				x		
19. Ban QL Dự án									
83	1	TRƯƠNG DẦN	Trưởng ban				x	x	
84	2	LÝ PHƯỚC QUANG	Phó ban				x	x	
85	3	PHAN HIỆP	Kế toán				x		
20. Trạm Khuyến nông									
86	1	SIU NHENG	Trưởng trạm				x	x	
21. Trung tâm Dân số - KHHGĐ									
87	1	TRẦN TRỌNG CHỨC	Phó Giám đốc TT				x	x	
88	2	NGUYỄN THỊ BÍCH LIÊN	Kế toán				x		
89	3	CAO THỊ HOÀI VÂN	Thủ quỹ			x			
II. Các Trường học thuộc thị xã									
1. Trường mầm non Hoa Sen									
90	1	TĂNG THỊ THIỀU	Hiệu trưởng				x	x	
91	2	NGUYỄN THỊ LÝ	Phó hiệu trưởng				x	x	
92	3	TRẦN THỊ THU MINH	Phó hiệu trưởng				x	x	

STT		Họ và tên	Đơn vị công tác	Thuộc diện tỉnh quản lý		Thuộc diện thị xã quản lý		Thuộc diện cấp ủy quản lý	Lý do chưa kê khai
				KK lần đầu	KK bổ sung	KK lần đầu	KK bổ sung		
1		*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
93	4	NGUYỄN THỊ KIỀU	Kế toán				x		
2. Trường mầm non Họa Mi									
94	1	VŨ THỊ TUYẾT	Hiệu trưởng				x	x	
95	2	ĐINH THỊ XOAN	Phó hiệu trưởng				x	x	
96	3	TRẦN THỊ LỆ DUYÊN	Phó hiệu trưởng				x	x	
3. Trường mầm non Hoa Hồng									
97	1	HỒ THỊ THU	Hiệu trưởng				x	x	
98	2	NGUYỄN THỊ THƠM	Phó hiệu trưởng				x	x	
4. Trường mẫu giáo Hoa Phượng									
99	1	THÁI THỊ MINH HIẾU	Phó hiệu trưởng				x	x	
5. Trường mẫu giáo Vành Khuyên									
100	1	NGUYỄN THỊ TUYẾN	Hiệu trưởng				x	x	
101	2	KSOR H'PER	Phó hiệu trưởng				x	x	
6. Trường Mẫu giáo Tuổi Thơ									
102	1	TỐNG THỊ NGỌT	Hiệu trưởng				x	x	
103	2	RCOM H'MAI	Phó hiệu trưởng			X		X	
7. Trường mẫu giáo Sơn Ca									
104	1	NGUYỄN THỊ TRANG	Hiệu trưởng				x	x	
105	2	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	Phó hiệu trưởng				X	x	
8. Trường mẫu giáo Sao Mai									
106	1	BÙI THỊ LAN	Hiệu trưởng				x	x	
107	2	KSOR H'LÚI	Phó hiệu trưởng				x	x	
108	3	LÊ THỊ HƯƠNG	Phó hiệu trưởng				x	x	
9. Trường Tiểu học Chu Văn An									
109	1	TRỊNH ĐÌNH TỰ	Hiệu trưởng				x	x	
110	2	LÊ THỊ PHƯƠNG	Phó hiệu trưởng				x	x	
111	3	KSOR H'BLOANH	Phó hiệu trưởng				x	x	
112	4	HOÀNG THỊ MỸ PHƯƠNG	Kế toán				x		
10. Trường Tiểu học Bùi Thị Xuân									
113	1	TRẦN THỊ TỐ NGA	Hiệu trưởng				x	x	
114	2	CAO THỊ HƯƠNG	Phó hiệu trưởng				x	x	
115	3	NGUYỄN THỊ VINH	Kế toán				x		
11. Trường Tiểu học Kim Đồng									
116	1	BÙI VĂN HẢO	Hiệu trưởng				x	x	
117	2	NGUYỄN THỊ LÝ	Phó hiệu trưởng				x	x	
13. Trường TH - THCS Lê Văn Tám									
118	1	TRẦN QUỐC BÌNH	Hiệu trưởng				x	x	
119	2	LÊ HỮU HUỲNH	Phó hiệu trưởng				x	x	
120	3	VŨ THỊ THU HÀ	Phó hiệu trưởng				x	x	
121	4	LÊ THỊ QUYÊN	Kế toán				x		

STT		Họ và tên	Đơn vị công tác	Thuộc diện tỉnh quản lý		Thuộc diện thị xã quản lý		Thuộc diện cấp ủy quản lý	Lý do chưa kê khai
				KK lần đầu	KK bổ sung	KK lần đầu	KK bổ sung		
1		*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
14. Trường tiểu học Nay Der									
122	2	MAI THỊ XINH	Hiệu trưởng				x	x	
123	3	TRẦN THỊ VĨNH	Phó hiệu trưởng				x	x	
124	2	TRẦN THỊ TUYẾT	Phó hiệu trưởng				x	x	
125	4	NGUYỄN THỊ HỒNG MAI	Kế toán HĐ				x		
15. Trường Tiểu học Võ Thị Sáu									
126	1	NGUYỄN THỊ THANH LIÊM	Hiệu trưởng				x	x	
127	2	ĐINH HỒNG KHÔI	Phó hiệu trưởng				x	x	
128	3	ĐỖ THỊ HUỆ	Phó hiệu trưởng				x	x	
129	4	NGUYỄN THỊ HẠNH	Kế toán				x		
16. Trường THCS Nguyễn Huệ									
130	1	NGUYỄN ĐỨC AN	Hiệu trưởng				x	x	
131	2	HUỲNH ANH TUẤN	Phó hiệu trưởng				x	x	
132	3	NGUYỄN ĐÌNH HỒNG	Phó hiệu trưởng				x	x	
133	4	PHAN XUÂN PHO	Kế toán				x		
17. Trường TH Nguyễn Trãi									
134	1	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	Hiệu trưởng				x	x	
135	2	RÔ MINH LAN	Phó hiệu trưởng				x	x	
18. Trường THCS Lê Lợi									
136	1	PHAN ĐÌNH TRỌNG HIẾU	Hiệu trưởng				x	x	
137	2	LÊ THỊ LỆ THU	Phó hiệu trưởng				x	x	
138	3	TRẦN THỊ NHƯ NGUYỆT	Kế toán				x		
19. Trường TH - THCS Nguyễn Viết Xuân									
139	1	VÕ VĂN HÒA	Hiệu trưởng				x	x	
140	2	KSOR PLEN	Phó hiệu trưởng				x	x	
141	3	NGUYỄN THỊ HUÊ	Phó hiệu trưởng				x	x	
142	4	PHẠM XUÂN HƯNG	Kế toán HĐ				X		
20. Trường THCS Phạm Hồng Thái			Phó hiệu trưởng						
143	1	RCOM LIM	Hiệu trưởng				x	x	
144	2	ĐẶNG THỊ THỦY				X		X	
145	3	HỒ THỊ NGỌC HUYỀN	Kế toán HĐ				x		
21. Trường THCS Đinh Tiên Hoàng									
146	1	NGUYỄN VIẾT HOÀN	Hiệu trưởng				x	x	
147	2	NGÔ BẢO CHÂU	Phó hiệu trưởng				x	x	
148	3	NAY H'NHỤY	Kế toán				x		
22. Trường THCS Trần Hưng Đạo									
149	1	PHẠM NGỌC PHƯƠNG	Hiệu trưởng				x	x	
150	2	TRẦN THANH VĨNH	Phó hiệu trưởng				x	x	
151	3	PHẠM THỊ THẮM	Kế toán				x		
23. Trường THCS Dân tộc Nội trú									

STT		Họ và tên	Đơn vị công tác	Thuộc diện tỉnh quản lý		Thuộc diện thị xã quản lý		Thuộc diện cấp ủy quản lý	Lý do chưa kê khai
				KK lần đầu	KK bổ sung	KK lần đầu	KK bổ sung		
1		*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
152	1	PHẠM XUÂN NGỌC	Hiệu trưởng				x	x	
153	2	RCOM TƯNG	Phó hiệu trưởng				x	x	
154	3	MAI THỊ HỒNG TÂM	Phó hiệu trưởng				x	x	
155	4	TRẦN NGỌC THUẬN	Kế toán			X			
III. Các xã, phường									
1. Xã Ia Rbol									
156	1	PHẠM THỊ VÂN	Bí thư Đảng ủy , CT UBND				x	x	
157	2	LÊ VĂN TUỆ	Phó Bí thư Đảng ủy				x	x	
158	3	KSOR JAN	CT HĐND				x	x	
159	4	RCOM H'BI ƠI	PCT HĐND				x	x	
160	5	NAY PÔL	Phó Chủ tịch UBND				x	x	
161	6	NAY PRUAN	Chỉ huy trưởng Quân sự				x		
162	7	KSOR VEN	CB địa chính - Xây dựng				x		
163	8	RƠ Ô H'MUY	Địa chính Nông nghiệp				x		
164	9	RCOM PHUEN	Trưởng công an				x		
165	10	NGUYỄN THỊ LÝ DUNG	Kế toán				x		
166	11	NGUYỄN THỊ XUÂN VY	Kế toán				x		
167	12	LƯƠNG THỊ THÚY	Tư pháp - HT				x		
168	13	KSOR THUANH	Tư pháp - HT				x		
2. Xã Chư Băh									
169	1	SIU HIẾU	Bí thư Đảng ủy				x	x	
170	2	LÊ ĐỨC MINH	Phó bí thư Đảng ủy				x	x	
171	3	RCOM TAM	Chủ tịch UBND				x	x	
172	4	LÊ THANH SINH	Phó Chủ tịch UBND				x	x	
173	5	RCOM THUYÊN	Phó Chủ tịch HĐND				x	x	
174	6	NGUYỄN VĂN LONG	Chỉ huy trưởng Quân sự				x		
175	7	ĐÀM PHÚC HƯNG	Cán bộ Địa chính - Xây dựng				x		
176	8	VÕ THỊ THU HÀ	Tư pháp - HT				x		
177	9	RCOM KHƯƠNG	Tư pháp - HT				x		
178	10	NAY H'OANH	Kế toán				x		
179	11	PHẠM THỊ THỦY TRIỀU	Kế toán				x		
180	12	NAY THƠM	Trưởng Công an xã				x		
3. Xã Ia Rtô									
181	1	TRỊNH VĂN LƯƠNG	Bí thư Đảng ủy				x	x	
182	2	NGUYỄN THỊ THÚY PHƯỢN	Phó Bí thư Đảng ủy				x	x	
183	3	ĐẶNG TẤN HÒA	Chủ tịch UBND				x	x	

STT		Họ và tên	Đơn vị công tác	Thuộc diện tỉnh quản lý		Thuộc diện thị xã quản lý		Thuộc diện cấp ủy quản lý	Lý do chưa kê khai
				KK lần đầu	KK bổ sung	KK lần đầu	KK bổ sung		
1		*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
184	4	PHAN THỊ ÁNH NGUYỆT	Phó Chủ tịch HĐND				x		
185	5	PHAN TẤN SỸ	Phó Chủ tịch UBND				x	x	
186	6	NGUYỄN HUY XUYÊN	Kế toán				x		
187	7	ĐỖ VĂN HẢI	Địa chính xây dựng				x		
188	9	KSOR H'RIN	Tư pháp - HT				x		
189	10	LÊ THỊ NGỌC ANH	Tư pháp - HT				x		
190	11	KSOR MANG	Trưởng Công an xã				x		
191	12	KSOR TÁO	Chỉ huy trưởng Quân sự				x		
4. Xã Ia Sao									
192	1	LÊ VĂN MINH	Bí thư Đảng ủy				x	x	
193	2	NAY CHUYÊN	Phó Bí thư Đảng ủy				x	x	
194	3	HUỲNH THỊ KIM HƯƠNG	Phó Chủ tịch HĐND				x	x	
195	4	LÊ XUÂN HẢI	Chủ tịch UBND				x	x	
196	5	NGUYỄN THỊ TÁNH	Phó Chủ tịch UBND				x	x	
197	6	NGUYỄN LÊ VĂN SỸ	Địa chính xây dựng				x		
198	7	NGUYỄN VĂN LINH	Xã đội trưởng				x		
199	8	NAY H' MOAN	Kế toán				x		
200	9	NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG	Tài chính - Kế toán				x		
201	10	HUỲNH THỊ GIAO LINH	Tư pháp hộ tịch				x		
202	11	CÙ MINH QUÂN	Tư pháp hộ tịch				x		
203	12	NGUYỄN NHƯ Ý	Trưởng công an				x		
5. Phường Sông Bờ									
204	1	MAI QUANG DƯỠNG	Bí thư Đảng ủy				x	x	
205	2	LÊ THỊ THU THỦY	Phó Bí thư Đảng ủy				x	x	
206	3	LÊ VĂN TRỌNG	Chủ tịch UBND				x	x	
207	4	BẠCH THANH LONG	Phó Chủ tịch UBND				x	x	
208	5	VŨ THỊ HÀ GIANG	Phó Chủ tịch HĐND				x	x	
209	6	PHÙNG BÁ TOÀN	Phó Trưởng công an				x		
210	7	RCOM VI NA	Phó Chỉ huy trưởng QS				x		
211	8	NGÔ ĐẠI THÀNH	CB địa chính				x		
212	9	TĂNG CÔNG TRƯỜNG	Tư pháp				x		
213	10	TRẦN THỊ THANH HẰNG	Kế toán				x		
6. Phường Hòa Bình									
214	1	NGUYỄN THANH QUANG	Bí thư đảng ủy				x	x	
215	2	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	Phó Bí thư Đảng ủy -CT HĐND				x	x	
216	3	TRẦN NGỌC ANH	Chủ tịch UBND				x	x	

STT		Họ và tên	Đơn vị công tác	Thuộc diện tỉnh quản lý		Thuộc diện thị xã quản lý		Thuộc diện cấp ủy quản lý	Lý do chưa kê khai
				KK lần đầu	KK bổ sung	KK lần đầu	KK bổ sung		
1		*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
217	4	TRẦN THỊ KIỀU OANH	Phó chủ tịch HĐND				x		
218	5	LÊ NGỌC LONG	Phó Chủ tịch UBND				x	x	
219	6	NGUYỄN THỊ THI LINH	Kế toán				x		
220	7	NGUYỄN ANH SƠN	Trưởng công an				x		
221	8	TỐNG VŨ BẢO	Chỉ huy trưởng QS				x		
222	9	NGUYỄN CÔNG BÌNH	CB địa chính - Xây dựng				x		
223	10	NGUYỄN VĂN THINH	Tư pháp - HT				x		
224	11	PHẠM VĂN HẢI	CB địa chính				x		
7. Phường Đoàn Kết									
225	1	VÕ PHÚ	Bí thư đảng ủy				x	x	
226	2	TRẦN BẢO LỘC	Phó Bí thư Đảng ủy - CT HĐND				x	x	
227	3	KPĂ H' VEN	Phó Chủ tịch HĐND				x	x	
228	4	NGUYỄN ĐỨC BẮC	Chủ tịch UBND				x	x	
229	5	LÊ THỊ NGA	Phó Chủ tịch UBND				x	x	
230	6	LÊ VĂN HẬU	Chỉ huy trưởng QS				x		
231	7	ĐỖ MINH SƠN	Địa chính xây dựng				x		
232	8	TRẦN THANH TÍN	Tư pháp - HT				x		
233	9	NAY SIU LỊCH	Tư pháp - HT				x		
234	10	PHẠM QUÍ TRÌNH	Địa chính - MT				x		
235	11	LÊ ĐỨC KẾ	Trưởng Công an				x		
236	12	HUỲNH BỬU PHÚ	Kế toán				x		
237	13	TRẦN THỊ HẢI YẾN	Kế toán			x			
8. Phường Cheo Reo									
238	1	LÊ VĂN HÒA	Bí thư Đảng ủy				x	x	
239	2	DƯƠNG NGỌC DŨNG	Phó Chủ tịch UBND				x	x	
240	3	RAH LAN THIẾP	Phó Chủ tịch HĐND				x	x	
241	4	NGUYỄN VĂN MẠNH	Phó Bí thư đảng ủy				x	x	
242	5	NGUYỄN VĂN THÀNH	Trưởng công an				x		
243	6	NGUYỄN KHÁNH MINH	Địa chính - Xây dựng				x		
244	7	NGUYỄN THỊ HẠNH	Tư pháp - HT				x		
245	8	PHAN VŨ TRUNG	Địa chính xây dựng				x		
246	9	VÕ THỊ KIM THOA	Kế toán				x		
247	10	TRƯƠNG THANH HÙNG	Chỉ huy trưởng Quân sự				x		

Danh sách này có 247 người./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AYUN PA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do -Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU
KÊ KHAI, CÔNG KHAI, XÁC MINH TÀI SẢN THU NHẬP NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số: 591/BC-UBND, ngày 25/12/2018 của UBND thị xã)

Stt	Đơn vị	Số người phải kê khai trong năm	Số người đã kê khai	Số người công khai theo hình thức niêm yết	Số người đã công khai theo hình thức tổ chức cuộc họp	Số người đã được xác minh tài sản thu nhập	Số người đã có kết luận kê khai không trung thực	Số người bị xử lý do kê khai không trung thực	Số người đã bị xử lý kỷ luật do chậm tổ chức kê khai, chậm kê khai, chậm tổng hợp, báo cáo kết quả minh bạch tài sản	Số người đã bị xử lý trách nhiệm trong xác minh tài sản, thu nhập	Ghi chú
1	**Văn Phòng HĐND&UBND**	**14**	**14**	**14**	**14**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	14	14	14	14	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	14	14	14	14	0	0	0	0	0	
2	**Phòng Nội vụ**	**7**	**7**	**7**	**7**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	7	7	7	7	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	7	7	7	7	0	0	0	0	0	
3	**Phòng Lao động TBXH**	**5**	**5**	**5**	**5**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	5	5	5	5	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	5	5	5	5	0	0	0	0	0	
4	**Phòng Tài nguyên -MT**	**5**	**5**	**5**	**5**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	5	5	5	5	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	5	5	5	5	0	0	0	0	0	
5	**Thanh tra**	**5**	**5**	**5**	**5**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	5	5	5	5	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	5	5	5	5	0	0	0	0	0	

Stt	Đơn vị	Số người phải kê khai trong năm	Số người đã kê khai	Số người công khai theo hình thức niêm yết	Số người đã công khai theo hình thức tổ chức cuộc họp	Số người đã được xác minh tài sản thu nhập	Số người đã có kết luận kê khai không trung thực	Số người bị xử lý do kê khai không trung thực	Số người đã bị xử lý kỷ luật do chậm tổ chức kê khai, chậm kê khai, chậm tổng hợp, báo cáo kết quả minh bạch tài sản	Số người đã bị xử lý trách nhiệm trong xác minh tài sản, thu nhập	Ghi chú
6	**Phòng Tư pháp**	**3**	**3**	**3**	**3**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
7	**Phòng Tài chính - KH**	**6**	**6**	**6**	**6**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	6	6	6	6	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	6	6	6	6	0	0	0	0	0	
8	**Phòng Kinh tế**	**7**	**7**	**7**	**7**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	7	7	7	7	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	7	7	7	7	0	0	0	0	0	
9	**Phòng Quản lý đô thị**	**5**	**5**	**5**	**5**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	5	5	5	5	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	5	5	5	5	0	0	0	0	0	
10	**Phòng Y tế**	**2**	**2**	**2**	**2**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
11	**Phòng Giáo dục - ĐT**	**5**	**5**	**5**	**5**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	5	5	5	5	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	5	5	5	5	0	0	0	0	0	
12	**Phòng Văn hóa - TT**	**3**	**3**	**3**	**3**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
13	**Phòng Dân tộc**	**4**	**4**	**4**	**4**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	4	4	4	4	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	4	4	4	4	0	0	0	0	0	

Stt	Đơn vị	Số người phải kê khai trong năm	Số người đã kê khai	Số người công khai theo hình thức niêm yết	Số người đã công khai theo hình thức tổ chức cuộc họp	Số người đã được xác minh tài sản thu nhập	Số người đã có kết luận kê khai không trung thực	Số người bị xử lý do kê khai không trung thực	Số người đã bị xử lý kỷ luật do chậm tổ chức kê khai, chậm kê khai, chậm tổng hợp, báo cáo kết quả minh bạch tài sản	Số người đã bị xử lý trách nhiệm trong xác minh tài sản, thu nhập	Ghi chú
14	**Hội Chữ thập đỏ**	**2**	**2**	**2**	**2**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
15	**Trung tâm Giáo dục NN- GDTX**	**2**	**2**	**2**	**2**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
16	**Đài Truyền thanh - TH**	**2**	**2**	**2**	**2**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
17	**Ban Quản lý chợ**	**2**	**2**	**2**	**2**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
18	**Đội công trình đô thị**	**3**	**3**	**3**	**3**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
19	**Ban QL dự án**	**3**	**3**	**3**	**3**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
20	**Trạm khuyến nông**	**1**	**1**	**1**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	1	1	1	1	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	1	1	1	1	0	0	0	0	0	
21	**Trung tâm dân số KHHGĐ**	**3**	**3**	**3**	**3**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
	Trường mầm non Hoa Sen	**4**	**4**	**4**	**4**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	

Stt	Đơn vị	Số người phải kê khai trong năm	Số người đã kê khai	Số người công khai theo hình thứ niêm yết	Số người đã công khai theo hình thức tổ chức cuộc họp	Số người đã được xác minh tài sản thu nhập	Số người đã có kết luận kê khai không trung thực	Số người bị xử lý do kê khai không trung thực	Số người đã bị xử lý kỷ luật do chậm tổ chức kê khai, chậm kê khai, chậm tổng hợp, báo cáo kết quả minh bạch tài sản	Số người đã bị xử lý trách nhiệm trong xác minh tài sản, thu nhập	Ghi chú
22	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	4	4	4	4	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	4	4	4	4	0	0	0	0	0	
23	**Trường mầm non Họa Mi**	**3**	**3**	**3**	**3**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
24	**Trường mầm non Hoa Hồng**	**2**	**2**	**2**	**2**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
25	**Trường mẫu giáo Hoa Phượng**	**1**	**1**	**1**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	1	1	1	1	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	1	1	1	1	0	0	0	0	0	
26	**Trường mẫu giáo Vành Khuyên**	**2**	**2**	**2**	**2**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
27	**Trường mẫu giáo Tuổi Thơ**	**2**	**2**	**2**	**2**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
28	**Trường mẫu giáo Sơn Ca**	**2**	**2**	**2**	**2**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
29	**Trường mẫu giáo Sao Mai**	**3**	**3**	**3**	**3**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
30	**Trường TH Chu Văn An**	**4**	**4**	**4**	**4**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	4	4	4	4	0	0	0	0	0	

Stt	Đơn vị	Số người phải kê khai trong năm	Số người đã kê khai	Số người công khai theo hình thứ niêm yết	Số người đã công khai theo hình thức tổ chức cuộc họp	Số người đã được xác minh tài sản thu nhập	Số người đã có kết luận kê khai không trung thực	Số người bị xử lý do kê khai không trung thực	Số người đã bị xử lý kỷ luật do chậm tổ chức kê khai, chậm kê khai, chậm tổng hợp, báo cáo kết quả minh bạch tài sản	Số người đã bị xử lý trách nhiệm trong xác minh tài sản, thu nhập	Ghi chú
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	4	4	4	4	0	0	0	0	0	
31	**Trường TH Bùi Thị Xuân**	**3**	**3**	**3**	**3**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
32	**Trường TH Kim Đồng**	**2**	**2**	**2**	**2**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
33	**Trường TH - THCS Lê Văn Tám**	**4**	**4**	**4**	**4**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	4	4	4	4	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	4	4	4	4	0	0	0	0	0	
34	**Trường TH Nay Der**	**4**	**4**	**4**	**4**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	4	4	4	4	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	4	4	4	4	0	0	0	0	0	
35	**Trường TH Võ Thị Sáu**	**4**	**4**	**4**	**4**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	4	4	4	4	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	4	4	4	4	0	0	0	0	0	
36	**Trường THCS Nguyễn Huệ**	**4**	**4**	**4**	**4**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	4	4	4	4	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	4	4	4	4	0	0	0	0	0	
37	**Trường TH Nguyễn Trãi**	**2**	**2**	**2**	**2**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	2	2	2	2	0	0	0	0	0	
38	**Trường THCS Lê Lợi**	**3**	**3**	**3**	**3**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	

Stt	Đơn vị	Số người phải kê khai trong năm	Số người đã kê khai	Số người công khai theo hình thức niêm yết	Số người đã công khai theo hình thức tổ chức cuộc họp	Số người đã được xác minh tài sản thu nhập	Số người đã có kết luận kê khai không trung thực	Số người bị xử lý do kê khai không trung thực	Số người đã bị xử lý kỷ luật do chậm tổ chức kê khai, chậm kê khai, chậm tổng hợp, báo cáo kết quả minh bạch tài sản	Số người đã bị xử lý trách nhiệm trong xác minh tài sản, thu nhập	Ghi chú
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
39	**Trường TH - THCS Nguyễn Viết Xuân**	**4**	**4**	**4**	**4**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	4	4	4	4	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	4	4	4	4	0	0	0	0	0	
40	**Trường THCS Phạm Hồng Thái**	**3**	**3**	**3**	**3**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
41	**Trường THCS Đinh Tiên Hoàng**	**3**	**3**	**3**	**3**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
42	**Trường THCS Trần Hưng Đạo**	**3**	**3**	**3**	**3**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	3	3	3	3	0	0	0	0	0	
43	**Trường THCS Dân tộc Nội trú**	**4**	**4**	**4**	**4**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	4	4	4	4	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	4	4	4	4	0	0	0	0	0	
44	**Xã Ia Rbol**	**13**	**13**	**13**	**13**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	13	13	13	13	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	13	13	13	13	0	0	0	0	0	
45	**Xã Chư Băh**	**12**	**12**	**12**	**12**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	12	12	12	12	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	12	12	12	12	0	0	0	0	0	
46	**Xã Ia Rtô**	**12**	**12**	**12**	**12**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	12	12	12	12	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	12	12	12	12	0	0	0	0	0	

Stt	Đơn vị	Số người phải kê khai trong năm	Số người đã kê khai	Số người công khai theo hình thức niêm yết	Số người đã công khai theo hình thức tổ chức cuộc họp	Số người đã được xác minh tài sản thu nhập	Số người đã có kết luận kê khai không trung thực	Số người bị xử lý do kê khai không trung thực	Số người đã bị xử lý kỷ luật do chậm tổ chức kê khai, chậm kê khai, chậm tổng hợp, báo cáo kết quả minh bạch tài sản	Số người đã bị xử lý trách nhiệm trong xác minh tài sản, thu nhập	Ghi chú
47	**Xã Ia Sao**	**12**	**12**	**12**	**12**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	12	12	12	12	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	12	12	12	12	0	0	0	0	0	
48	**Phường Sông Bờ**	**10**	**11**	**11**	**11**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	10	11	11	11	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	10	11	11	11	0	0	0	0	0	
49	**Phường Hòa Bình**	**11**	**11**	**11**	**11**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	11	11	11	11	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	11	11	11	11	0	0	0	0	0	
50	**Phường Đoàn Kết**	**13**	**13**	**13**	**13**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	13	13	13	13	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	13	13	13	13	0	0	0	0	0	
51	**Phường Cheo Reo**	**10**	**11**	**11**	**11**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Số Bản kê khai do cơ quan quản lý	10	11	11	11	0	0	0	0	0	
	Số Bản kê khai do cấp trên quản lý	10	11	11	11	0	0	0	0	0	
Tổng cộng		**247**	**247**	**247**	**247**						